

**Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày: 16-7-2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Bà Vũ Thị Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/HSST – QĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với:

1. **Bị cáo: Đoàn Việt D**, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1992; nơi sinh: thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 38, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hồng B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/5/2012, Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt 36 tháng tù về tội: “Giao cấu với trẻ em”, ngày 30/8/2013 chấp hành xong bản án, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị hại:**

Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M.

Địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Bùi Thị L – Chức vụ: Thủ kho. vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 41B, khu 11, phường Quang T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Xuân M và ông Nguyễn Thái H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghiệp M, địa chỉ tại tổ 38, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (gần nhà Đoàn Việt D) thường để số vật tư cũ đã qua sử dụng (sắt phế liệu) trong nhà kho và khuôn viên công ty. D thấy Công ty này sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản nên đã nảy sinh ý định mỗi ngày trộm cắp một ít sắt trong công ty để bán lấy tiền ăn tiêu. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến ngày 03/3/2020, D đã 04 lần trộm cắp sắt của Công ty, cụ thể:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, D từ nhà mang theo 01 đoạn ống nước cao su màu nâu đi đến bờ tường rào Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M. D trèo lên bờ tường rồi buộc đoạn ống nước vào thân cây cạnh bờ tường. Sau đó, D bám vào đoạn ống nước trèo xuống vào khuôn viên của công ty. D trộm cắp một số đoạn sắt có chiều dài từ 1,5m đến 05m rồi đem đến gần tường rào để tập kết. Sau đó, D chuyển số sắt trộm cắp qua bờ tường và vận chuyển về nhà cất giấu. Đến 10 giờ ngày 01/3/2020, D thuê ông Nguyễn Thái H, dùng xe máy ba bánh với giá 100.000 đồng, vận chuyển số sắt trộm cắp được đến nhà bà Nguyễn Thị T, tại tổ 41B, khu 10, phường Q, thành phố U (bà Thoa là người thu mua phế liệu) để bán. Bà T trả cho D số tiền 2.090.000 đồng. Tiếp đến, khoảng 21 giờ ngày 01/3/2020, D dùng phương thức như lần đầu tiên, trèo tường vào Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M trộm cắp được nhiều loại sắt phế liệu cùng 04 móc cầu rồi đem về nhà. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/3/2020, D thuê ông Nguyễn Xuân M dùng xe ô tô vận chuyển số sắt trộm cắp được đến bán cho bà T (D để lại 04 móc cầu ở nhà). Bà T trả D số tiền 2.200.000 đồng, D trả tiền thuê xe cho ông M 150.000 đồng. Chiều cùng ngày, D đến cửa hàng mua bán điện thoại "T" thuộc tổ 21, khu 6, phường Q mua 01 điện thoại OPPO A39 với giá 2.200.000 đồng. Tiếp đó, vẫn dùng phương thức như trên, khoảng 22 giờ ngày 02/3/2020, D trèo tường vào Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M trộm cắp sắt các loại, D vận chuyển về nhà, sau đó D tiếp tục thuê ông M vận chuyển số sắt vừa trộm cắp được đến nhà bà T bán được 2.750.000 đồng, D trả tiền thuê xe cho ông M 150.000 đồng. Sau đó, khoảng 20 giờ ngày 03/3/2020, D tiếp tục vào Công ty M với cách thức như các lần trước và trộm cắp 01 thanh sắt chữ U dài 2,5m; 01 thanh sắt chữ I dài khoảng 1,5m; 01 thanh sắt chữ V dài 3m; 01 ống sắt tròn dài 3m; 18 van bình

ôxi. Riêng thanh sắt chữ I do nặng không đưa được qua bờ tường, nên D để lại ở sát bờ tường trong khuôn viên Công ty, còn các tài sản khác D đem về cất giấu ở nhà.

Ngày 04/3/2020, bà Bùi Thị L (thủ kho của Công ty MIS) phát hiện Công ty bị mất tài sản. Bà L nghi D là người trộm cắp nên đã trình báo Cơ quan Công an.

Cơ quan điều tra đã triệu tập Đoàn Việt D đến trụ sở làm việc. Tại cơ quan điều tra D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A39 cùng số tiền 3.135.000 đồng.

Ngày 04/3/2020, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà D 01 thanh sắt chữ U dài 2,5m; 01 thanh sắt chữ V dài 3m; 01 ống sắt tròn dài 3m, 18 van bình oxi; 04 đầu cầu móc. Thu giữ tại nhà bà T 1.280 kg sắt phế liệu các loại do bà T tự nguyện giao nộp. Thu giữ tại bờ tường rào Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M 01 đoạn ống nước dây cao su màu nâu và 01 thanh kim loại dạng chữ “I”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 27/3/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận:

- Sắt phế liệu gồm nhiều chủng loại khác nhau có tổng khối lượng 1.280kg, có giá là 7.040.000đ;

- 18 đầu van bình oxi , có tổng khối lượng 15Kg, có giá là: 82.500 đồng;

- 01 thanh sắt dạng chữ U, khối lượng 34Kg, có giá là: 221.000 đồng;

- 01 thanh sắt dạng chữ V, khối lượng 50Kg, có giá là 325.000 đồng;

- 01 thanh sắt dạng chữ I, khối lượng 42Kg, có giá là: 273.000 đồng;

- 01 ống kim loại sắt hình trụ tròn, khối lượng 47Kg, có giá là: 305.500 đồng;

- 04 đầu móc cầu sắt, khối lượng 20Kg, có giá là: 140.000 đồng.

Tổng số sắt phế liệu D trộm cắp của Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M có giá 8.387.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT – VKSUB ngày 15 tháng 6 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Đoàn Việt D về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đoàn Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện bị hại chị Bùi Thị L có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian và địa điểm hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo như đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự, đối với số tài sản của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ công nghiệp M mà bị cáo đã trộm cắp, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty, nay công ty không không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T khai với nội dung phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên, bà T thừa nhận đã mua sắt phế liệu do Đoàn Việt D bán cho bà các ngày 01/3, 02/3 và 03/3/2020 với tổng số tiền đã trả cho D là

7.040.000đồng, các tài sản trên bà T không biết do bị cáo D trộm cắp được bán cho bà. Về trách nhiệm dân sự, bà T chỉ yêu cầu D phải trả cho bà T số tiền 3.135.000đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Xuân M khai với nội dung: Trong các ngày 01/3/2020, Đoàn Việt D có thuê ông H và ngày 02/3, 03/3/2020 D thuê ông M chở sắt phế liệu đến nhà bà Nguyễn Thị T bán, ông H chở 01 chuyến D trả tiền công là 100.000đồng; ông M chở 02 chuyến D trả tiền công là 300.000đồng, số tiền này ông H và ông M đã nộp tại cơ quan điều tra và nay không có yêu cầu lấy lại số tiền công này. Về số sắt ông H và ông M vận chuyển cho D cả hai ông đều không biết số sắt đó D trộm cắp mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Việt D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt Đoàn Việt D từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống nước dây cao su dài 7,9 m; Truy thu bị cáo Đoàn Việt D số tiền do phạm tội mà có 3.905.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Đoàn Việt D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 131 Bộ luật dân sự. Bị cáo Đoàn Việt D phải trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền 3.135.000đồng.

Bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

2.1 Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến ngày 03/3/2020, Đoàn Văn D đã 04 lần trèo tường vào khuôn viên của Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp M, tại tổ 38, khu 10, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trộm cắp 1.868kg sắt phế liệu các loại, với tổng giá trị tài sản là 8.387.000đ (tám triệu ba trăm tám bảy nghìn đồng). Theo đơn giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí,

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là cố ý, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của doanh nghiệp, một khách thể được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

2.2 Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét thấy, bị cáo là người đã có nhân thân xấu, trong thời gian 04 ngày liên tục, bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu, qua đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, vì vậy cần có hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng cũng như để tăng cường phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù trong 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng số tiền là 8.387.000đồng, nhưng hành vi trộm cắp của bị cáo mang tính chất liên tục, tài sản thu giữ không xác định được riêng từng lần phạm tội vì vậy không đủ căn cứ để xác định bị cáo có 02 lần chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên. Do vậy, không đủ cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền: 3.135.000đồng là tiền bà T mua sắt phế liệu của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bà T mua sắt của bị cáo là ngay tình, vì vậy cần buộc bị cáo phải trả lại bà T số tiền 3.135.000đồng theo yêu cầu của bà T.

- Ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Xuân M là người bị cáo thuê chở tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nhưng ông H và ông M đã tự nguyện nộp lại số tiền cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Đối với số sắt 1.280 kg thu giữ ở nhà bà Thoa và 18 van bình oxi và 04 đầu móc cầu sắt thu giữ ở nhà D; 01 thanh kim loại chữ “I” thu tại tường rào của Công ty, những vật chứng này Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần dịch vụ Công nghiệp M nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- 01 đoạn ống nước dây cao su màu nâu dài 7,9 m là tài sản của bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39.

- Đối với số tiền bị cáo trả tiền công vận chuyển cho ông Nguyễn Thái H 100.000 đồng và trả ông Nguyễn Xuân M 300.000 đồng, ông H và ông M đã nộp lại cơ quan điều tra và không yêu cầu lấy lại số tiền này. Vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền bị cáo bán sắt cho bà T được 7.040.000đồng, nay bà T chỉ yêu cầu bị cáo trả cho bà T 3.135.000đồng, số tiền còn lại là 3.905.000đồng bà T không yêu cầu bị cáo phải trả nên số tiền 3.905.000đồng là do bị cáo phạm tội mà có nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm

Về số tiền bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho bà T 3.135.000đồng, số tiền này bị cáo giao nộp tại cơ quan điều tra, cơ quan điều tra chuyển cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí trước khi mở phiên tòa để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về vấn đề khác: Đối với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Xuân M và ông Nguyễn Thái H đều không biết số sắt bị cáo bán và thuê vận chuyển là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đoàn Việt D** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Việt D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào Điều 109, khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Đoàn Việt D từ ngày 16 tháng 7 năm 2020 cho đến thời điểm đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 131 của Bộ luật dân sự.

Bị cáo Đoàn Việt D phải trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền 3.135.000đ (Ba triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Số tiền này Cơ quan điều tra đã chuyển cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng).
- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống nước dây cao su màu nâu dài 7,9 m.
- Trả lại bị cáo Đoàn Việt D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng và tài sản được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng và bảng thống kê tiền tang vật ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

- Truy thu bị cáo Đoàn Việt D số tiền do phạm tội mà có 3.905.000đồng (Ba triệu chín trăm linh lăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, Điểm a, g khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/ UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đoàn Việt D phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ: Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Công an thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà

